

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-PT
Ngày 24-8-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Ông Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Võ Hồng Thắng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2022/TLPT-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và nợ.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2022/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Thanh D; sinh năm 1981; cư trú tại: đường C, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Thanh D là ông Trương Công S; Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Q, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Mai Thị O; sinh năm 1987; cư trú tại: đường H, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Mai Thị O là ông Phạm Văn N; Luật sư Văn phòng Luật sư Q, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Mai Văn K; sinh năm 1961; cư trú tại: xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Có mặt.

2. Bà Lê Thị N; sinh năm 1963; cư trú tại: xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

3. Ông Mai Văn C; cư trú tại: xã T1, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

4. Bà Mai Thị Đ; sinh năm 1991; cư trú tại: xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị N, ông Mai Văn C và bà Mai Thị Đ là ông Mai Văn K (Giấy ủy quyền, ngày 22 tháng 7 và 16 tháng 8 năm 2022). Có mặt.

5. Ông Mai Văn Đ; sinh năm 1993; cư trú tại: đường H, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

6. Bà Mai Thị H; sinh năm 1986; cư trú tại: thôn D, xã T2, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Mai Thị O, là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Thanh D, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Mai Thị O kết hôn ngày 09-01-2012, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Trong quá trình chung sống thì giữa ông và bà O xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống hoàn toàn không còn phù hợp, mọi vấn đề cả hai vợ chồng rất khó khăn để có thể thống nhất hay đồng thuận, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, ngày càng thiếu sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Ngoài ra, còn gây ảnh hưởng đến các con và cha

mẹ hai bên gia đình. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà O.

- Về con chung: Ông và bà Mai Thị O có 03 con chung là Lê Bảo U, sinh ngày 17-8-2012; Lê Đức A, sinh ngày 09-7-2015 và Lê Thảo M, sinh ngày 06-10-2019. Ly hôn, ông D có nguyện vọng trực tiếp nuôi con Lê Bảo U và Lê Đức A; còn bà O trực tiếp nuôi con Lê Thảo M. Hai bên không phải cấp dưỡng cho con lẫn nhau. Nếu cháu U có nguyện vọng được ở với mẹ thì ông đồng ý và đề nghị Tòa án xem xét cho ông được nuôi cháu A. Riêng đối với yêu cầu của bà O về cấp dưỡng cho cháu M một lần với số tiền 1,08 tỷ đồng thì ông không đồng ý bởi vì sẽ làm ảnh hưởng đến cuộc sống của ông, nên ông đề nghị cấp dưỡng cho cháu M mỗi tháng 02 triệu đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Ông và bà Mai Thị O có 01 thửa đất, diện tích 111m², tại địa chỉ khu E2 mở rộng (GĐ1-PK1)-KDC Nam cầu Cẩm Lệ, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 284234 do Sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31-12-2014. Khi ly hôn thì ông đề nghị chia đôi và giao tài sản cho ông; ông sẽ thanh toán tiền cho bà O.

Bị đơn bà Mai Thị O, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn là do ông Lê Thanh D không làm tròn bổn phận của người cha, người chồng, hay đi sớm về khuya, say xỉn, đánh đập vợ con, không có trách nhiệm với gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà O thống nhất ly hôn với ông D.

- Về con chung: Vợ chồng ly hôn thì bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 03 con chung và yêu cầu ông Lê Thanh D cấp dưỡng cho con Lê Thảo M với mức cấp dưỡng một lần là 1,08 tỷ đồng; bà không yêu cầu ông D cấp cho 02 con Lê Bảo U và Lê Đức A.

- Về tài sản chung: Bà O xác nhận tài sản chung như ông D trình bày. Tại phiên tòa, bà O đề nghị ông D nhận quyền sử dụng đất và bồi trả cho bà 50% giá trị quyền sử dụng đất bằng tiền theo kết quả định giá là 1.799.369.496 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn K, trình bày tại đơn đề nghị gửi cho Tòa án ngày 17-5-2021: Năm 2016, tôi có cho 02 con Mai Thị O và Lê Thanh D vay tổng số tiền là 200 triệu đồng để mua 01 mảnh đất. Nếu vợ chồng O và D không chung sống được với nhau thì số tiền vay mua mảnh đất tính theo lãi suất của mảnh đất bây giờ là góp vốn cổ phần; mảnh đất lúc mua là 600 triệu đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn C, trình bày tại đơn đề nghị gửi cho Tòa án ghi ngày 15-5-2021: Từ năm 2016, tôi phải cầm sổ đỏ của nhà tôi vay cho hai cháu Mai Thị O và Lê Thanh D vay số tiền 200 triệu đồng để mua mảnh đất ở trong Đà Nẵng. Nay hai cháu không hòa thuận với nhau thì tôi tính theo giá trị mảnh đất bây giờ đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi; mảnh đất lúc mua là 600 triệu đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Đ, trình bày tại đơn đề nghị gửi cho Tòa án ghi ngày 18-5-2021: Năm 2016, tôi có góp số tiền 50 triệu đồng chung với vợ chồng bà Mai Thị O và ông Lê Thanh D để mua thửa đất 683. Sau đó, năm 2019 khi sinh bé Lê Thị Thảo M có mượn tôi 50 triệu đồng. Đến nay vợ chồng bà O và ông D vẫn chưa trả số tiền tôi góp vốn mua thửa đất 683 và số tiền mượn trên. Vậy kính mong quý Tòa xem xét, giải quyết và yêu cầu vợ chồng bà O và ông D trả lại số tiền tôi đã góp mua thửa đất 683 tính theo trị giá đất hiện nay và số tiền nợ 50 triệu đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị H, trình bày tại đơn đề nghị gửi cho Tòa án ngày 20-5-2021: Năm 2016, tôi có góp số tiền 20 triệu đồng chung với vợ chồng bà Mai Thị O và ông Lê Thanh D để mua thửa đất 683. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết và yêu cầu vợ chồng bà O và ông D trả lại số tiền tôi đã góp mua thửa đất 683 tính theo trị giá đất hiện nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị N và ông Mai Văn Đ không có văn bản trình bày cho Tòa án.

Theo Chứng thư thẩm định giá ngày 16-11-2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá BTC Value, kết luận đối với tài sản là trị giá quyền sử dụng đất tại thửa đất số 683, tờ bản đồ số B2.11, địa chỉ khu E2 mở rộng (GĐ1-PK1)-KDC Nam cầu Cẩm Lệ, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng là 3.598.738.992 đồng.

Với nội dung nói trên, Bản án sơ thẩm số 102/2022/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 244, 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh D đối với bà Mai Thị O.

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Thanh D và bà Mai Thị O.

- Về con chung: Giao cháu Lê Bảo U, sinh ngày 17-8-2012 và cháu Lê Thảo M, sinh ngày 06-10-2019 cho bà Mai Thị O trực tiếp nuôi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Lê Đức A, sinh ngày 09-7-2015 cho ông Lê Thanh D trực tiếp nuôi cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Lê Thanh D có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lê Thảo M 3.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 5 năm 2022.

- Về tài sản chung: Giao thửa đất, diện tích 111m², tại địa chỉ khu E2 mở rộng (GĐ1-PK1)-KDC Nam cầu Cẩm Lệ, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng cho ông Lê Thanh D và ông D có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Mai Thị O số tiền là 1.779.369.496 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lệ phí và quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Ngày 27-4-2022, bà Mai Thị O nộp đơn kháng cáo xin được xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Mai Thị O đề nghị giao 03 con chung cho bà O trực tiếp nuôi và hủy phần chia tài sản chung để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Thanh D đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Mai Thị O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Mai Thị O, đã thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Mai Thị O về quan hệ hôn nhân thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm thì bà O cũng xác định giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và không thể hàn gắn lại nên đồng ý thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của bà O và ông D là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó Hội đồng xét xử sơ thẩm đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Thanh D và bà Mai Thị O là đúng với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nên kháng cáo về nội dung này của bà Mai Thị O là không được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bà Mai Thị O về yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 03 con chung thì thấy:

Hiện tại, cả 03 con chung của ông Lê Thanh D và bà Mai Thị O đều rất nhỏ, các cháu đang cần sự quan tâm chăm sóc nuôi dưỡng của cả người cha và mẹ để phát triển toàn diện nhưng lúc này, cháu lại là bên đang gánh chịu hậu quả lớn nhất từ việc ly hôn của cha mẹ để lại; quyền được sống chung với cả cha, mẹ là không còn và việc cháu phải được giao cho một trong cha hoặc mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là không thể tránh khỏi. Cũng như bà O, thì ông D có điều kiện để được giao trực tiếp nuôi con; việc giao cho bà O trực tiếp nuôi cả 03 con là không thể đảm bảo quyền và lợi ích cho các con và áp lực trách nhiệm không nhỏ đối với bà O. Trong đơn khởi kiện thì ông Lê Thanh D yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con là Lê Bảo U và Lê Đức A; tuy nhiên, trong quá trình giải quyết

vụ án thì cháu U có nguyện vọng được ở với mẹ và cháu M dưới 36 tháng tuổi, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét toàn diện để xử giao 02 con là Lê Bảo U và Lê Thảo M cho bà O trực tiếp nuôi; giao con Lê Đức A cho ông D trực tiếp nuôi là phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của bà O, ông D; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các con và đúng với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nên kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 03 con chung của bà Mai Thị O là không được chấp nhận.

Đối với mức cấp dưỡng mỗi tháng 03 triệu đồng cho cháu Lê Thảo M mà Tòa án sơ thẩm tuyên buộc ông Lê Thanh D là phù hợp với điều kiện kinh tế, hoàn cảnh của ông D và đúng quy định của pháp luật. Nên kháng cáo yêu cầu ông D phải cấp dưỡng cho cháu My một lần với số tiền 1,08 tỷ đồng là không được chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bà Mai Thị O về chia tài sản chung và khấu trừ các khoản nợ trước khi chia, thì thấy:

Sau khi bị đơn bà Mai Thị O có yêu cầu giải quyết các khoản nợ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì Tòa án sơ thẩm đã đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng trong vụ án. Trong các ngày 15, 17, 18 và 20-5-2021, Tòa án sơ thẩm đã nhận được đơn đề nghị của ông Mai Văn K, ông Mai Văn C, bà Mai Thị Đ và bà Mai Thị H là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với các yêu cầu giải quyết hoàn trả lại số tiền góp vốn khi mua thửa đất số 683, tờ bản đồ số B2.11, địa chỉ khu E2 mở rộng (GD1-PK1)-KDC Nam cầu Cẩm Lệ, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng và yêu cầu trả nợ vay, xét các yêu cầu này là đã đảm bảo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm đã không thụ lý các yêu cầu này để giải quyết trong vụ án là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của những người liên quan nói trên. Mặt khác, đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31-12-2014 cho thửa đất có tranh chấp trong vụ án cũng chưa được Tòa án sơ thẩm xem xét để giao cho bên được giao thửa đất để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho họ.

Những vi phạm về thủ tục tố tụng nói trên làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm về chia tài sản chung, giải quyết nợ chung và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do hủy một phần bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là bà Mai Thị O không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn xét xử phúc thẩm là đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Mai Thị O; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2022/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn cứ vào Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Mai Thị O và ông Lê Thanh D.

2. Về con chung:

Giao con tên Lê Đức A; sinh ngày 09 tháng 7 năm 2015 cho ông Lê Thanh D trực tiếp nuôi;

Giao 02 con tên Lê Bảo U; sinh ngày 17 tháng 8 năm 2012 và Lê Thảo M; sinh ngày 06 tháng 10 năm 2019 cho bà Mai Thị O trực tiếp nuôi;

Ông Lê Thanh D có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Lê Thảo M mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cấp dưỡng nói trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn, bà Mai Thị O và ông Lê Thanh D có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2022/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng về giải quyết chia tài sản và nợ.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Về án phí:

Ông Lê Thanh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008668 ngày 25-02-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; ông D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Ông Lê Thanh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng.

Bà Mai Thị O không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho bà O số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001855 ngày 05-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Án phí dân sự sơ thẩm về giải quyết phần tài sản và nợ sẽ được xem xét khi giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thúy Năng

Nguyễn Anh Tuấn

Ngô Hà Nam